



ISSN
1859-3968

TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

Tập 34, Số 1 (2024): 38 - 46

Email: tapchikhoahoc@hvu.edu.vn

JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

HUNG VUONG UNIVERSITY

Vol. 34, No. 1 (2024): 38 - 46

Website: www.jst.hvu.edu.vn

ĐỜI SỐNG SINH HOẠT VÀ PHONG TỤC TẬP QUÁN CỦA NGƯỜI THÁI QUA SỬ THI ẨM ỆT

Lê Thị Hiền^{1*}

¹Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hoá

Ngày nhận bài: 24/10/2023; Ngày chỉnh sửa: 19/12/2023; Ngày duyệt đăng: 26/12/2023

DOI: <https://doi.org/10.59775/1859-3968.158>

Tóm tắt

Trong nền văn học Thái, sử thi Ẩm ệt là một tác phẩm văn học tiêu biểu. Tác phẩm phản ánh khá cụ thể và sinh động bức tranh văn hóa xã hội của người Thái xưa trong quá trình hình thành và phát triển. Bài viết nghiên cứu về đời sống sinh hoạt và phong tục tập quán của người Thái qua sử thi Ẩm ệt, từ đó khẳng định được vị trí, giá trị văn học dân gian dân tộc Thái trong bức tranh của văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Từ khóa: Sử thi Ẩm ệt, phong tục tập quán, người Thái, đời sống sinh hoạt.

1. Đặt vấn đề

Sử thi là thành tựu vĩ đại của nhân loại nói chung, là tập đại thành của lịch sử - văn hóa các tộc người nói riêng. Sức hấp dẫn của loại hình sử thi là đã tái hiện những chiến công kỳ vĩ, phi thường của người anh hùng trong quá trình vận động, phát triển của cộng đồng. Đó là sự kết tinh không chỉ của những thành tựu văn hóa - lịch sử - xã hội của cộng đồng, mà còn đánh dấu sự trưởng thành trong nhận thức, tư duy của nhân loại trong những chặng đường tiến hóa của mình.

Sử thi Ẩm ệt là tác phẩm văn học tiêu biểu của người Thái, là bức tranh đa màu sắc về đời sống vật chất và đời sống tinh thần của người Thái thuở sơ khai [1-4]. Tác phẩm đã phản ánh quan niệm về vũ trụ, thiết chế bản Mường; phản ánh đời sống sinh hoạt, kinh

tế, lao động sản xuất và tín ngưỡng, phong tục tập quán của người Thái. Thông qua cách thể hiện hồn nhiên, chất phác của tác giả dân gian, cuộc sống của người Thái thời xa xưa dần hiện lên một cách cụ thể, sinh động, đậm nét. Bài viết tập trung đi sâu nghiên cứu về đời sống sinh hoạt và phong tục tập quán của người Thái trong sử thi Ẩm ệt để thấy được bản sắc văn hóa của tộc người, giá trị nội dung của tác phẩm, từ đó khẳng định được vị trí, giá trị của sử thi Ẩm ệt trong bức tranh của văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh, phương

pháp liên ngành, phương pháp nghiên cứu văn hóa học.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. *Ấm ệt phản ánh đời sống sinh hoạt và lao động sản xuất của người Thái*

Trong đời sống văn hóa của người Thái, sử thi *Ấm ệt* đã được lưu truyền từ lâu, tại các vùng Mường có người Thái sinh sống: Hòa Bình, Thanh Hóa,... Sử thi *Ấm ệt* được sáng tạo, bổ sung và lưu truyền bằng miệng đã lâu đời nhưng mới được phiên âm và dịch ra tiếng Việt và xuất bản thành sách vào đầu những năm 70 của thế kỷ XX, do Ty Văn hóa Thông tin tỉnh Hòa Bình xuất bản. Gần đây tác phẩm được in song ngữ với phần chữ Thái cổ và với tên gọi *Ấm ệt - sử thi thần thoại dân tộc Thái Mai Châu*, do Sở Văn hóa Thông tin Hòa Bình, Ủy ban nhân dân huyện Mai Châu ấn hành. Bản gồm 3 chương: chương 1 - Ấm ệt luông (Khai sinh cái lớn), chương 2 - Ấm ệt nội (Khai sinh cái nhỏ), chương 3 - Khay phác phạ (Mở hòng trời). Trong những năm tiếp theo, dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh Hòa Bình, bản sử thi tiếp tục được xuất bản với nhiều tên gọi khác nhau, nhưng về cơ bản nội dung vẫn giữ nguyên như bản đầu tiên.

Cũng như *Đẻ đất đẻ nước*, *Ấm ệt* kể lại lịch sử từ khi chưa có trời đất. Nội dung của sử thi được giới thiệu trong tên gọi của tác phẩm và các chương: Ấm ệt luông, nghĩa là khai sinh ra cái lớn (trời, đất, mặt trời mặt trăng và con người); Ấm ệt nội nghĩa là khai sinh ra cái nhỏ (lửa và cách làm ra lửa); Khay phác phạ, nghĩa là mở hòng trời để cho trời lên tiếng sấm sét, phun mưa xuống, những cơn mưa đầu năm, cho muôn vật sinh sôi nảy nở. Đây là lịch sử loài người, theo cách nhận thức của người Thái cổ. Sử thi *Ấm ệt* đã đề cập đến nhiều vấn đề lịch sử phức tạp mà không rời rạc, hợp quy luật nhưng cũng chỉ

đề cập đến giai đoạn tiền giai cấp, tức là giai đoạn hình thành xã hội loài người chưa phân hóa giàu nghèo, chưa có sự bóc lột nên chưa xuất hiện các hình thức đấu tranh giai cấp. Nhân vật trong tác phẩm đã được thần thánh hóa, đại diện cho các thế hệ con người, là đặc trưng của từng giai đoạn phát triển của xã hội, chưa xuất hiện đồng tiền, chưa xuất hiện hình thức mua bán, trao đổi, đơn thuần chỉ là sản xuất tự cung, tự cấp. Những nhân vật anh hùng bao trùm toàn bộ *Ấm ệt* là Ấm Í, *Ấm ệt*, Làng Cặp, Làng Cò,... Đó chính là hình ảnh của tập thể nhân dân Thái trong cuộc đấu tranh thiên nhiên dài lâu gian khổ và ác liệt thời nguyên thủy.

Để bước qua thời kỳ mông muội, trong quá trình phát triển, người Thái thời xa xưa đã sử dụng kim khí để làm ra các công cụ săn bắt, đánh bắt động vật, phục vụ sản xuất nông nghiệp. Điều này được thể hiện rất rõ ở chi tiết: Then bắt phạt và đẩy xuống trần gian ba anh em Ấm Ý, bốn anh em con trai của nhà trời. Họ xuống Mường Bằng thấy trời tối tăm mù mịt, quyết định đi chặt cây đa, cây Si “Đi chặt cây đa ở Mường Thanh/ Đi chặt cây Si trên đầu nguồn sông Mã”. Tuy nhiên, lời đồn đến tai Then lớn, Then sai con rồng xuống chặn đường nước, sai con hổ xuống chặn đường sông Mã. Thấy điềm gở không hay, hai anh em Ấm Ý bàn nhau lên nhà trời ăn cắp sắt và đồng của Then Trời “lấy trộm cục sắt nhà trời nặng vác”, “ba thanh sắt Mường Trời bằng bắp tay”, rồi nhờ thợ Mường Bôn khéo đánh, khéo rèn làm lưới sắt chín nghìn mắt, lưới đồng bốn mươi ngàn cái để săn thường luông, săn hổ. Họ đúc thành lưới rồng ở đường nước, rồng mắc lưới rồng, săn con hổ ở đường rừng hổ sập bẫy:

*Họ lấy trộm cục sắt nhà trời nặng vác
Ba thanh sắt Mường Trời bằng bắp tay
Đến nhà thợ Mường Bôn khéo đánh
Nhờ thợ Mường Trời khéo rèn
Làm lưới bằng sắt chín nghìn mắt
Làm lưới bằng đồng bốn mươi ngàn cái.*

Họ không chỉ tạo ra lưới sắt, bẫy đồng để săn bắt động vật mà người Thái còn biết làm rìu để chặt cây Si, để cho trời đất không còn tối tăm, có ngày, có đêm.

Rìu lưỡi sắc đeo trên vai...

Ba mươi chiếc rìu Thái họ chém phía trước

Năm mươi chiếc rìu Xá, họ chém phía sau.

Rìu là một trong những công cụ quan trọng mà dân tộc Thái sử dụng trong việc chặt cây, làm nhà, phát cây rừng để làm nương dẫy hay đồn cửi. Rìu do thợ thủ công tự rèn, chêm vào cán, cán rìu được làm bằng gốc cây tre nhỏ đặc, có độ cong như cán cuốc, như vậy cán sẽ chắc khó vỡ phần lưỡi rìu được nện vào một thanh gỗ sau mới tra vào cán thật chặt và chêm gốc dài 9cm (ở 2 đầu có gờ không bị tuột). Đối với gia đình người Thái nhà nào cũng có rìu, nó được coi như vật thiêng, vật quý không thể thiếu được, người ta cất giữ tận trong gian thờ cúng cùng chài lưới và dao, nhưng khi lên nhà mới người đàn ông trụ cột thì chuyển rìu, chài lưới, nỏ, súng còn phụ nữ mang đồ dệt vải... Rìu là vật dụng gắn với hoạt động của người đàn ông trong nhà.

Đó là lần đầu tiên loài người tìm ra kim khí và biết chế tác thành công cụ săn bắn đầu tiên của loài người thay thế cho việc săn bắt và hái lượm đơn giản. Thời kỳ đồ đồng, đồ sắt ra đời. Đây chính là tiền đề để sau này, người Thái sản xuất thêm những công cụ săn bắt khác như: bẫy, nỏ, giáo mác, súng hỏa mai, súng kíp. Trước khi đi săn bắt, người Thái dùng công làm hiệu lệnh để săn đuổi thú và điều khiển chó săn. Sử thi *Ấm ệt* phản ánh khá cụ thể về một thời kỳ đồ đồng, đồ sắt và công cuộc tìm ra kim khí, chế tác thành công cụ săn bắn của người Thái thời xa xưa.

Bên cạnh việc sản xuất những công cụ săn bắn, người Thái thời xưa còn biết trồng trọt và chăn nuôi. Người Thái đã biết tạo ra đồng ruộng để người dân trồng lúa:

Then Thấp và Then cao

Then thấp cầm đầu giáo

Then cao cầm đầu mác

Đặt ra có tục cấy ruộng...

Chung lòng làm ruộng mới được cơm

Then làm nước cho có cá

Làm ruộng cho được lúa.

Người Việt có câu “Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”. Người Thái cũng vậy, khi trồng lúa, họ rất coi trọng là yếu tố nước. Người Thái từ xưa đã ý thức được điều này và thể hiện qua sử thi *Ấm ệt*. Khi Then làm cho trần gian hạn hán thì dân chúng không thể trồng lúa vì đồng ruộng khô hạn:

Nắng xuống nứt nẻ lưng ba ba

Nắng xuống đồng nứt mai rùa

Nắng xuống rừng héo sừng hươu nai

Dân chúng làm lúa không nên

Dân dưới trần gian làm ăn không được.

Do vậy, họ mới tìm cách “đi đuổi mười mặt chói/ Đi săn chín mặt trời”, để không còn nạn hạn hán.

Hoạt động sản xuất nông nghiệp của người Thái được thể hiện rõ ở phần 3 của sử thi *Ấm ệt*, đó là chương *Khay pác pạ* (Mở hòng trời). Trong quá trình tồn tại và phát triển, người Thái đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất nông nghiệp. Họ đã biết làm nương - phai - lái - lịn để đưa nước vào đồng ruộng; biết dựa vào năm, tháng, mùa vụ để trồng cây lúa và các loại hoa màu để nuôi sống con người. Cách áp dụng kỹ thuật canh tác, nhất là làm thủy lợi được thể hiện trong sử thi *Ấm ệt* là cả một cảm nang cho người xưa trong buổi ban đầu làm và sử dụng sản phẩm lúa nước nuôi sống con người và thúc đẩy xã hội phát triển.

Quá trình chinh phục thiên nhiên để sản xuất nông nghiệp của người Thái là quá trình đầy gian nan. Trời không làm mưa để người dân sản xuất: Bằng trí thông minh và sức

mạnh của mình, người Thái đã tìm cách để Trời phải làm mưa. Công cuộc chinh phục thiên nhiên của người Thái đã đem lại kết quả bước đầu khi trời làm sấm:

Sấm đầu năm tiếng nặng

Sấm đầu năm mới tiếng vang.

Tiếng sấm báo hiệu trời có mưa, những cơn mưa cung cấp nguồn nước để người dân nơi đây chuẩn bị cho một mùa canh tác, sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, theo quan điểm của người Thái tiếng sấm và cơn mưa đầu mùa rất quý giá, nó báo hiệu cho một mùa sản xuất thuận lợi, đồng ruộng tốt tươi. Từ hiện tượng sấm sét và mưa giông của thời tiết, người Thái đã rút ra cho mình những kinh nghiệm quý báu trong lao động sản xuất:

Trời sấm cũng báo nghe trước muôn loài

Rau hắc mọc trước cơn giông

(Nghĩa là: Mọc rễ chồi lên mặt đất sẽ có cơn giông).

Măng đắng mọc để nghe trời sấm

Chim Khàng Khô xuống báo người làm nương

Chim Khàng Khoáy xuống báo làm ruộng

Bảo người làm nương sửa rìu, sửa dao

Bảo người làm ruộng sửa cày, sửa bừa

Làm ruộng lấy cơm ăn.

Người Thái thường dựa vào dấu hiệu của thời tiết để sửa nhà và làm ruộng. Sửa gác trên nhà để lúa, sửa thuổng để đào củ sắn đầu năm người ta có thể dự đoán được thời tiết làm ăn thuận hay khó.

Trời sấm cũng báo nghe trước muôn loài

Họ bảo:

Sấm đầu năm trên nguồn sông Đà “sửa gác”

Sấm đầu năm trên nguồn sông Đà “sửa thuổng”.

Việc mở được họng trời để mưa thuận gió hòa phục vụ cho sản xuất nông nghiệp

đã chứng tỏ được sức mạnh của người Thái trong công cuộc chế ngự, chinh phục thiên nhiên, nắm được quy luật thiên nhiên để bảo tồn cuộc sống làm ra của cải vật chất cho xã hội. Khay phác phạ là một bức tranh phong phú về nông lịch cổ sơ của dân tộc Thái.

3.2. *Ấm ệt phản ánh phong tục tập quán của người Thái*

Sử thi *Ấm ệt* còn chứa đựng nhiều phong tục tập quán và tín ngưỡng nguyên thủy. Chế độ quân hôn, tục sùng bái totem, những điều kiêng kỵ, những nghi lễ cổ xuất hiện còn rất đậm. Sử thi *Ấm ệt* ra đời khi xã hội còn ở vào thời kỳ công xã nguyên thủy và phản ánh xu hướng các bản làng vận động tiến tới liên kết thành những bản mường lớn hơn. Sử thi *Ấm ệt* được coi là bộ bách khoa toàn thư về phong tục của người Thái, ở đó lịch sử của người Thái được tái hiện qua trí tưởng tượng trong trẻo, hồn nhiên, khoáng đạt đến kỳ lạ của con người.

a. *Tục cấm ruộng*

Tục cấm ruộng được thể hiện ở chương 1 của sử thi. Theo sử thi *Ấm ệt*, tục cấm ruộng do các Then trên trời đặt ra. Người Thái xưa kia khi trồng lúa rất chú ý đến việc xác định ranh giới của khoảng ruộng của mình. Họ thường làm lấy đầu giáo, móc để cắm vào đầu ruộng. Đây là một trong những tục lệ quan trọng của người Thái khi trồng lúa.

Then thấp và Then cao

Then thấp cắm đầu giáo

Then cao cắm đầu móc

Đặt ra có tục cấm ruộng.

Tục cấm ruộng (hay còn gọi là Lễ cày đồng) là một nghi lễ truyền thống của người Thái ở Việt Nam. Đây là một trong những nghi lễ quan trọng nhất trong năm của người Thái, diễn ra vào đầu mùa vụ, thường là vào khoảng tháng Ba hoặc tháng Tư âm lịch. Trong lễ cày đồng, người Thái sẽ chọn ra

một ngày đẹp để tổ chức lễ. Các gia đình sẽ cùng nhau chuẩn bị các đồ dùng như con dao, cái cuốc, hạt giống... Sau đó, cả làng sẽ đến đồng ruộng để thực hiện lễ cày đồng. Lễ cày đồng bắt đầu bằng việc tế lễ và cầu nguyện cho mùa vụ bội thu, sau đó là lễ cắm cây, cày đất, gieo hạt. Nghi lễ kết thúc bằng việc các gia đình cùng nhau ăn mừng, chúc mừng nhau với hy vọng một mùa vụ bội thu, sung túc. Tục cắm ruộng là một nét văn hóa đặc trưng của người Thái ở Việt Nam, thể hiện sự gắn bó của họ với đất đai và lòng trung thành với các truyền thống tập quán của dân tộc.

b. Tục uống rượu

Uống rượu là một trong những phong tục không thể thiếu của đời sống văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, trong đó có dân tộc Thái.

Trong sử thi *Ăm ệt* có đoạn thơ phản ánh tục uống rượu của người Thái:

*Đến nhà Then thấy Then uống rượu
Thấy Then Trời đang uống rượu cần.*

Từ xa xưa, người Thái đã nhận thức rằng, rượu cần là thứ đồ uống vừa mang chất lễ nghi vừa thể hiện tình cảm thân mật, chân thành. Then ở trên trời cũng như những con người dưới muôn ngàn trần gian đều uống rượu như một thứ không thể thiếu trong đời sống văn hóa của mình.

Theo phong tục của người Thái, khi khách đến chơi nhà, phải mời khách uống rượu cần. Rượu cần là món đồ uống vừa thiêng liêng vừa dân dã trong đời sống văn hóa của người Thái. Trong các sự kiện quan trọng của đời sống như mừng nhà mới, cưới xin, hội hè, bạn bè gặp nhau,... bao giờ cũng phải có rượu cần. Trong các cuộc rượu có tính chất nghi thức, mọi người phải tuân thủ theo những quy định chặt chẽ. Những người cao tuổi, những người có cương vị xã hội, quan khách nơi xa đến là những người cầm cần uống lượt rượu đầu tiên. Trong gia đình người Thái,

không phân biệt giàu nghèo, sang hèn đều có vài ba chiếc sừng trâu được gọt đều cẩn thận làm dụng cụ đựng nước trong các cuộc rượu. Người ta có thể vừa uống rượu vừa hát đối đáp thi tài bằng các lời hát có sẵn hay sáng tác ngẫu hứng.

Rượu cần trước kia có mặt trong tất cả các nghi thức cúng lễ của người Thái: từ tết Nguyên Đán đến lễ cơm mới, đến lễ hợp vía, tác thành hạnh phúc cho đôi trai gái, từ việc cúng gọi hồn trẻ trở về đến các nghi lễ cúng ma. Chỉnh rượu cần trong các lễ tục, lễ hội được dân bản chuẩn bị rất công phu. Chỉnh rượu cần to, ngon ngọt thể hiện uy quyền và thế lực của bản, đồng thời trong thế giới tâm linh nó là một dự báo về tương lai - một năm mới phía trước may mắn, tốt lành hay thiên tai, trắc trở,.. Đây là một nét văn hóa độc đáo của người Thái.

Không chỉ tộc người Thái, các tộc người thiểu số khác đều có phong tục uống rượu cần. Những chén rượu thơm ngon, nồng nàn chính là nơi kết nối cộng đồng, kết nối các thành viên trong gia đình. Bên nhau chén rượu trong những ngày lễ, ngày hội dân trở thành nét đẹp trong đời sống văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số.

c. Tục gọi vía

Tục gọi vía là một trong những phong tục mang đậm bản sắc văn hóa của người Thái. Sử thi *Ăm ệt* phản ánh tục gọi vía của người Thái:

Dân muôn nghe sấm

Mọi người hú: Gọi vía về bản

Người già trong bản, quan ngồi trên sập

Nghe trời sấm, hú gọi vía về nhà.

Theo quan niệm của người Thái, từ khi sinh ra đến khi trở về với cát bụi, một người Thái phải có ít nhất hai lần được làm vía. Vía trong tiếng Thái là “khoản” (hồn vía). Nghi lễ “làm vía” hay “gọi vía” (họng khoản) là gọi hồn vía trở về nhà bố mẹ,

vợ con, trở về với thể xác, để vía không đi lang thang nơi đất người, nơi bờ suối, bờ sông, bờ vực hay tránh xa các loài vật nguy hiểm trong rừng... Chủ trì buổi làm vía thường do thầy mo thực hiện. Trước khi chuẩn bị lễ làm vía, gia chủ phải chuẩn bị các lễ vật như xôi, thịt gà, rượu... bày trên mâm để giữa sàn nhà. Thầy mo ngồi phía trước làm lễ, xung quanh là con cháu và họ hàng thân thuộc. Tùy từng nghi lễ làm vía mà sự chuẩn bị lễ vật và nghi lễ cúng sẽ khác nhau. Đối với trẻ nhỏ mới sinh được 3 ngày sẽ được gia đình tổ chức lễ làm vía để cầu khấn cho đứa trẻ luôn được khỏe mạnh, ngoan ngoãn, nhanh lớn... Người Thái gọi lễ này là “Vấn ọc họ”. Lễ vật và nghi thức của “Vấn ọc họ” gồm có 2 con gà hoặc lợn, các đồ trang sức như vòng tay hoặc vòng cổ và đồ mặc sơ sinh của cháu bé rồi bỏ vào 1 cái mâm. Trước khi chuẩn bị cúng, người nhà nấu 1 nồi thuốc Nam và rót ra 9 bát cho người mẹ sơ sinh lần lượt uống trong lúc thầy mo khấn cúng những điều tốt lành cho đứa trẻ. Khi đứa trẻ đã được 5 - 6 tháng tuổi thì người Thái lại tiếp tục tổ chức cúng vía mừng vui và cầu cho đứa trẻ khỏe mạnh chóng lớn, tránh được ốm đau, tai qua nạn khỏi. Lễ làm vía này người Thái gọi là “Vấn chôm” hay còn gọi là vía mừng sự đầu thai.

Tục làm vía là một trong những phong tục mang ý nghĩa nhân văn, hướng con người tìm về cội nguồn. Người Thái tin vào những điều “siêu nhiên”, tin vào sức mạnh của thần linh. Phong tục này không chỉ tồn tại trong đời sống tinh thần của người Thái mà tồn tại khá phổ biến trong đời sống của các tộc người thiểu số khác.

d. Tục sửa nhà, sửa gác khi có sấm đầu năm

Từ xa xưa, người Thái đã đúc kết nhiều kinh nghiệm trong lao động sản xuất và sinh hoạt. Kinh nghiệm xem thời tiết chọn ngày tháng gieo trồng xưa dựa vào một số hiện

tượng là một trong những kinh nghiệm quan trọng trong lao động sản xuất và sinh hoạt của người Thái. Người Thái có câu: “Pha hòng húa Sầm pánh xá/ Pha hòng húa Má pánh xiêm”. Nghĩa là: Sấm động đầu sông Chu sửa gác lúa (Tức năm đó mưa thuận, gió hòa được mùa) Sấm động đầu sông Mã sửa thuổng đi đào củ mài (Tức năm đó sẽ hạn hán, mất mùa, đói kém). Trong văn học của người Mường cũng tồn tại nhiều câu tục ngữ nói về kinh nghiệm trong lao động sản xuất trước những hiện tượng thiên nhiên như: “Sấm Mường Lạ, để dạ mà ăn”, “Sấm Mường Ngay, quăng bữa cày lên gác”, “Sấm Mường Khởi, vẫy tay đào củ mài”...

Kinh nghiệm này được người Thái sử dụng trong quá trình sáng tạo sử thi *Âm ệt*.

Sấm đầu năm trên nguồn sông Đà “sửa gác”

Sấm đầu năm trên nguồn sông Đà “sửa thuổng”

Người Thái chú ý đến các hiện tượng thiên nhiên trong lao động và sinh hoạt. Mỗi khi có tiếng sấm vào dịp đầu năm, người Thái thường sửa gác trên nhà để lúa, sửa thuổng để đào củ sắn đầu năm. Dựa vào thiên nhiên, người Thái có thể dự đoán được thời tiết làm ăn thuận hay khó. Theo tín ngưỡng của người Thái, sấm là âm thanh của chúa thần, đem lại tài lộc, may mắn và phát tài. Vì vậy, khi nghe tiếng sấm đầu năm, người Thái tin rằng đó là điềm tốt và tin rằng việc sửa nhà, sửa gác sẽ mang lại sự bình an và đem lại may mắn, tài lộc cho gia đình. Trong thời điểm này, nhiều gia đình sẽ sắp xếp thời gian và tài chính để sửa chữa, cải tạo lại ngôi nhà, gác để trở nên mới mẻ, sạch sẽ và tốt đẹp hơn. Việc sửa nhà, sửa gác cũng thể hiện sự quan tâm và tôn trọng đối với gia đình và văn hóa truyền thống của người Thái. Họ tin rằng việc làm này sẽ giúp gia đình tránh khỏi tai họa và hưởng được nhiều may mắn trong năm mới.

e. Tục cúng thần, cúng các thành hoàng làng

Sử thi *Ấm ệt* phản ánh khá cụ thể tục cúng thần và các thành hoàng làng của người Thái thời xa xưa.

Trong sử thi *Ấm ệt*, tục lệ này được thể hiện qua chi tiết: Khi ba anh em Ấm Ý đi chặt cây Si, dùng 30 chiếc rìu Thái chém phía trước, 50 chiếc rìu Xá chém phía sau. Cây van xin con người đừng chặt, nếu tha sẽ trả công thật nhiều, thật xứng đáng nhưng họ cứ chặt. Đến khi cây Si đổ đè chết cả mấy anh em Ấm Ý, họ chết biến thành các thần, các thành hoàng làng ở các nguồn sông Đà, sông Mã ở vực sâu, núi cao. Từ tích này nên người Thái thường có tục thờ cúng thần, các thành hoàng làng ở các nguồn sông Mã, sông Đà, ở nơi núi cao, vực sâu:

Cây lớn đổ đè vai

Cành cây đổ dập đầu

Họ chết bỏ đời tuổi đang ăn

Chết bỏ đời tuổi đang sung sức

Anh Sến đi ở nguồn sông Mã

Anh Đa đi ở nguồn sông Đà

Anh Cò, anh Lừ đu ở Chăng “Khằng Khiết”

Có cỗ lợn người mừng Dưới gọi đến

Có cỗ cá người mừng Bằng mời ăn.

Tín ngưỡng đa thần hay tín ngưỡng vạn vật hữu linh là quan niệm phổ biến trong các cộng đồng người Thái. Người Thái có tục thờ đa thần, gồm nhiên thần và nhân thần. Nhiên thần gồm có thần núi, thần sông, thổ công, thổ địa, hang động, rừng thiêng, thần cây, thần nhà, thần bếp. Mỗi nhà ở khu đất riêng đều dựng một cái lều thờ thần thổ công ở dưới sân hay ngoài vườn. Khi có khách đến thăm, sắm sửa được bữa ăn thịnh soạn, hay trước khi uống chính rượu cần, người Thái có thói quen cầu khẩn mời các thần ăn trước. Ngay cả khi đi rừng, đi sông, lúc giờ gói com

ra ăn, người ta không quên có lời khẩn mời thần núi, thần sông. Nhân thần được người Thái thờ cúng gồm có người có công với nước, với cộng đồng, tổ tiên, dòng họ; các thành hoàng làng bảo vệ dân bản...

g. Nghi lễ cúng mo

Nghi lễ cúng mo là một trong những nghi lễ quan trọng của đồng bào các dân tộc thiểu số. Mo là bài ca nghi lễ linh thiêng để đưa tiễn linh hồn người chết về với tổ tiên nơi cõi vĩnh hằng. Mo là phương tiện để cho người sống và người chết giao tế với nhau và hiểu nhau hơn. Nghe mo những người đang sống cần phải soi mình vào đấy để sống tốt hơn, cố gắng làm điều thiện cho mình: vì mình, vì tổ tiên, vì con cháu, vì làng xóm và cộng đồng.

Trong văn học Mường, sử thi *Đẻ đất đẻ nước* đã phản ánh khá cụ thể và chân thực nghi lễ cúng mo của người Mường. Đối với người Thái, nghi lễ cúng mo của người Thái được phản ánh khá cụ thể và chân thực trong sử thi *Ấm ệt* của người Thái.

Then bảo ba mươi tốp bà cốt

Năm mươi tốp bà đồng

Xuống mừng dưới chôn xác vật

Xuống mừng Bằng chôn xác người...

Xuống mừng Dưới làm bà cốt

Xuống mừng Bằng làm bà đồng

Dân nghe khổ tìm đến

Dân nghe phiền đến nhờ

Đi cúng được ăn cỗ nhiều đám

Đi cúng được ăn cỗ nhiều họ...

Rủ nhau đủ 30 cụ Mo già

Rủ nhau được chín ông Mo Mường...

Theo quan điểm của người Thái, khi Then làm hạn hán khiến xác người chết ngổn ngang, Then liền sai bà cốt, bà đồng xuống mừng Dưới chôn xác vật, xác người và làm nghi lễ chôn cúng cỗ. Những xác người, xác vật này nếu không được cúng cần thận bởi

những cụ Mo già, những ông Mo Mường thì mường Dưới sẽ không được yên ổn. Cúng mo là một trong những nghi lễ độc đáo của người Thái. Trong các nghi lễ tang ma, gọi vía, lễ hội,... người Thái thường mời thầy mo để cúng. Mo đám tang là một trong những nghi thức không thể thiếu trong đời sống văn hóa của người Thái. Điều này xuất phát từ thời kỳ xa xưa và lưu truyền cho đến ngày hôm nay. Mo đám tang của người Thái chia làm nhiều bước, mỗi bước có một thủ tục và một bài ca riêng. Thầy mo thường có các bài: Hó pu hấp mò (đặt trầu đón rước mo), Chấm tẩy (cúng ma mo), Hầm khuông (đuổi ma tà khỏi nhà), Khẩu mảy (nhập quan tài), Pộc pàng (khai cuộc), Toi ăm óc mò (kể về ma mo), Xơ chua khoai (cúng trầu làm thịt), Xơ pau ngai (cúng bữa trưa, tối), Toi oóc nặm đìn (kể về để đất để nước), Toi ăm óc cân tài (kể về cuộc đời người chết), Toi ăm óc mạy (kể cây gỗ quan tài), Nóp xưa mạy (ca ngợi áo quan), Mò khăn phả (mo lên trời), Khai bóc (đưa hồn người chết đi chơi chợ bán hoa), Nung âm ti (đưa hồn về bàn thờ tổ tiên). Lời mo Thái xưa kia được chép lại bằng sách chữ Thái (Xư mo), hiện nay không còn giữ lại được đầy đủ.

h. Tục ăn trầu

Tục lệ ăn trầu là nét đẹp trong đời sống văn hóa của các tộc người, trong đó có người Thái. Tục lệ ăn trầu của người Thái được phản ánh trong sử thi:

Ăn gì người mường Dưới bỏ lại đuôi

Bỏ cau cho bỏ chũm

Ăn trầu ngắt cuống, đuôi lá để lại.

Khi ba anh em Ấm Ý đi tìm chặt Si, họ đã dừng chân nghỉ ngơi và ăn trầu:

Dừng chân nghỉ ăn vò

Họ ngồi nghỉ ăn trầu.

Xưa kia, người Thái xem ăn trầu để thư giãn sau một ngày đồng áng. Khi ngày càng có nhiều người ăn, việc ăn trầu trở thành tập

tục không thể thiếu trong các lễ lạt, cúng kiếng của thường dân như cầu mưa, mừng vụ mùa, năm mới... Sau đó, nó trở thành nghi thức của triều đình. Miếng trầu trở thành đặc ân của người trên dành cho kẻ dưới, là ân sủng của vua ban cho quần thần, dân chúng. Một số ghi chép cho thấy người Thái ngày xưa thường tặng nhau coi, cối như thể hiện sự kính trọng trong dịp lễ, tiệc. Vua lên ngôi, trầu cau và cối đựng là vật dụng không thể thiếu trong các lễ tấn phong, coi thường được làm bằng vàng, bạc và theo nhà vua suốt thời gian trị vì.

i. Tục kiêng kỵ

Với người Thái, khi đi xa mà gặp điềm gở, điều xấu thì họ thường quay lại. Điều này được phản ánh trong sử thi *Ấm ệt*:

*Then cho thường luồng xuống chặn đường
thuyền*

Cho hổ xuống chặn đường sông Mã

Thấy điềm không lành họ quay lại

Thấy điều lạ họ quay về.

Không chỉ phản ánh trong sử thi *Ấm ệt*, tục kiêng kỵ còn được người Thái phản ánh trong các tác phẩm văn học dân gian khác. Trong truyện thơ Hiến Hom Cầm Đồi, khi Cầm Đồi đi tha hương cầu thực, chàng đã gặp điềm gở: cáo chết, hổ gầm và nằm mơ thấy Hiến Hom ngủ cạnh khiến cho chàng thấy “bồn chồn trong dạ” và “lo phận nằng Hom và cả phận mình”.

Đang đi bỗng điểm lạ báo:

Cáo lớn chết cản đường

Bụng trương như cái trống

Hươu giác hổ gầm giữa ban ngày

Mình con dũi dồi bộ lúc nhúc

Sâu đất kéo thành mây trước mặt

Như vậy, sử thi *Ấm ệt* đã phản ánh khá cụ thể và chân thực đời sống văn hóa của người Thái, đặc biệt là các phong tục tập quán. Những phong tục tập quán của người Thái

thời cổ sơ mặc dù còn mang tính hồn nhiên, chất phát, ngây thơ trong tư duy, tuy nhiên lại là những kinh nghiệm quý báu của họ trong quá trình tồn tại và phát triển. Đó chính là kết quả của quá trình chinh phục, chế ngự thế giới tự nhiên và thiết lập các mối quan hệ xã hội của người Thái thời xa xưa.

4. Kết luận

Sử thi *Ăm ệt* là một trong những sử thi tiêu biểu của người Thái. Tác phẩm lưu truyền phổ biến ở vùng Mai Châu (Hòa Bình), vùng Tây Bắc Thanh Hóa và vùng Tây Nghệ An... Sử thi *Ăm ệt* mang đậm bản sắc văn hóa của người Thái. Sử thi là nơi chứa đựng toàn bộ thế giới quan, nhân sinh quan của người Thái về vũ trụ và cuộc sống trong buổi đầu sơ khai. Tác phẩm phản ánh quan niệm về vũ trụ của người Thái, phản ánh thiết chế bản mường thuở sơ khai, phản ánh đời sống sinh hoạt, lao động sản xuất, phong tục tập quán của người Thái. Phong tục tập quán của người Thái được phản ánh khá đa dạng và phong phú trong sử thi với phong tục cấm

ruộng, phong tục ăn trầu, uống rượu cần, nghi lễ mo, nghi lễ tang ma,.. Tất cả tạo nên một bức tranh văn hóa tộc người khá độc đáo và đặc sắc. Ở một phương diện nào đó, bài viết mới chỉ tìm hiểu đời sống sinh hoạt và phong tục tập quán của người Thái. Chúng tôi hy vọng rằng trong thời gian tới, nội dung tác phẩm sẽ được nghiên cứu một cách toàn diện hơn, khẳng định hơn nữa giá trị của tác phẩm trong nền văn học dân gian các dân tộc thiểu số.

Tài liệu tham khảo

- [1] Mai Thị Hồng Hải (2011). Vấn đề phân vùng văn học dân gian ở Thanh Hóa. Tạp chí Dân tộc học, 2(4), 27-35.
- [2] Khả Văn Tiến (1972). *Ăm ệt luông*. Nhà xuất bản Thanh Hoá, Thanh Hóa.
- [3] Đình Xuân (2010). Góp phần tìm hiểu sắc thái văn hóa dân tộc Thái, Mường Thanh Hóa. Nhà xuất bản Thanh Hoá, Thanh Hóa.
- [4] Trần Sinh (2012). Một góc nhìn về văn học dân gian Thanh Hóa. Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, 322 (tháng 4), 75-77.

LIVING LIFE AND CUSTOMS OF THE THAI PEOPLE THROUGH THE EPIC AM YET

Le Thi Hien¹

¹Faculty of Social Sciences, Hong Duc University, Thanh Hoa

Abstract

In Thai literature, the epic Am Et is a typical literary work. The work reflects specifically and vividly the socio-cultural picture of the ancient Thai people in the process of formation and development. The article researches the daily life and customs of the Thai people through the Am Et epic, thereby affirming the position and value of Thai folk literature in the picture of ethnic minority literature Vietnamese number.

Keyword: *The epic of Am Et, customs and traditions, Thai people, daily life.*